

NĂM KỶ SỬU KỂ CHUYỆN THÂN TRÂU - TƯỢNG SỐ TRÂU

THỰC PHẨM ĂN CHAY VỚI VIỆT Y DƯỠNG SINH

CAO THẾ DUNG

Trâu có một vị trí khá kính trong lịch sử nông nghiệp, ca dao, tục ngữ và truyện dân gian. *Con trâu là đầu cơ nghiệp; Trâu ơi! Ta bảo trâu này! Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta, hay: chông cày vợ cấy con trâu đi bừa....* Trâu là hình ảnh thân thương ở nông thôn Việt Nam, cần cù, nhẫn nại, ngoan hiền, chịu đựng, vâng lời, bước đi từ tốn, khoan thai, nhất là có sức khỏe phi thường “khỏe như trâu”. Trâu ăn cỏ và rom rạ, đôi khi ăn thóc hay được chủ nấu cho nôi cám pha bèo. Nghĩa là cả đời trâu ăn chay và ham tắm mát. Do vậy, bài Tết năm Kỷ Sửu 2009 này tôi viết về trâu và thực phẩm ăn chay với hiệu quả của Dưỡng sinh trong Y đạo Việt Nam. Lật lại chông báo cũ, lấy ra giai phẩm năm Đinh Sửu, 1997, cách đây 12 năm tôi viết một bài khảo luận khá dài, tựa đề “TỪ ĐỊNH CHẾ TRÂU ĐẾN CHỌI TRÂU – Mấy món ăn...trâu theo phép dưỡng sinh” (giai phẩm Thời Luận, Xuân Đinh Sửu, trang 19, 25, 56, 118, 163 khổ lớn). Tội nghiệp ! Tôi lại phải đọc cho hết bài cũ, tránh những gì đã viết. Để bài giai phẩm trâu vào năm 2009 này khác với giai phẩm Trâu năm 1997 : tôi chọn đề tài ăn CHAY do nghĩ đến thân phận TRÂU suốt đời chỉ ăn “chay” mà khỏe đến phi thường, Trâu khi “lông” có sức chạy phi mã không kém ngựa. Trâu có thể bơi lội làng qua sông Hồng. Ở đây lẽ tự nhiên tôi chẳng bao giờ dám ví trâu với người ăn chay. Như vậy là xúc phạm . ĂN CHAY là đạo dưỡng sinh tuyệt cao, thuần hóa nhân dục, thăng hoa tâm thân, tinh-khí-thần sáng khoái, xác phàm khoan thai, nhân sinh một cõi làng làng.

PHẬT GIÁO VÀ ĂN CHAY

Hai lần qua Montreal thăm Hòa thượng Thượng Thủ Tâm Châu, ở trong chùa Từ Quang vài hôm được nhà chùa cho ăn ngày hai bữa cơm chay, có sáng điểm tâm phở chay. Một lần ăn “nem cuốn” chay, ngon quá, tôi buột miệng trần tục : “Thế này mà có một ly rượu vang đỏ thì tuyệt vời”! Cả bàn cười rộ. Một Lão tăng từ Vancour qua thăm Hòa Thượng nói : “Rượu là thứ thuốc đại mê hồn”, gọi là mê hồn cuồng dược. Đức Phật dạy Ông Tín Tướng rằng : “Này Thiện nam tử chúng sinh ấy bởi đời trước bị uống rượu say mê phạm 36 lỗi nên nay mắc báo làm thân ngầy đại như người say rượu....” Tôi bèn ngâm mấy câu thơ Tân Đà đối lại: “*Say sưa nghĩ cũng hư đời! Hư thời hư vậy say thời cứ say!*”.

Do cấm SÁT SANH nên Tăng lữ và Cư sĩ Phật giáo phải ăn chay. Trong Đại Luận, Đức Phật nói sát sinh phạm 10 tội (thập ác) thường chứa độc trong tâm, khi ngủ giết mình, lúc thức cũng chẳng yên, thường thấy chiêm bao dữ.... “Giết chết sinh mệnh gọi là sát, loại có tình thức gọi là sinh” (Xem : *Sa Di luật giải - Bản dịch của Hòa thượng Thích Hành Trụ. Nxb TG, HN, trang 43*). Giết loài côn trùng cũng là sát sinh, kinh Chính Pháp niệm nói : “Những nước đê cách đêm sợ có sinh vi trùng, nếu không coi kỹ. Bằng không lọc lược kỹ, chớ nên uống và dùng, thế mới gọi là giữ giới *bất sát rất chính*” (sdd. tr.53). Sát sinh là sát hại mạng sống, sát hại chúng sinh (prānaatipāta), côn trùng, vi khuẩn

cũng có mạng sống. Ăn chay trong bài này, tôi trình bày theo phép Dưỡng sinh Việt Y mà thôi.

CHÀNG SỬU VÀ SỐ TỬ VI TRẦN ĐOÀN

Nghĩ lại đời mình khi đã ở tuổi xế chiều, tôi thấy Tử vi có khi trúng, có khi sai nhưng một cách đại thể, có thể trúng tới 70-80%. Tử vi của tôi ở cung ấy, cung nọ bị sao Cự môn nên dù có việc tôi chẳng liên quan đến mấy may vẫn bị thị phi hàm oan, kể cả tai tiếng. Cung Thiên di có sao Thiên mã tao ngộ với sao ấy, sao nọ nên dù đã quá ngán tôi vẫn cứ phải bay đi đó đây. Xem Tử Vi Trần Đoàn hòa phối Lục nghiệp của nhà danh số Cao Hảo Di, nhất là cộng nghiệp thì thấy rất nhiều phân trùng. Vợ chồng là cộng nghiệp. Bạn thân tôi, hai anh em sinh đôi, em đậu đại khoa, anh học rất chăm, không đậu được Tú Tài I, vào QĐ lẻo đẻo mãi mới lên đến Đại Úy! Vậy tử vi đúng ở chỗ nào? Nhưng lại thế này: anh em cùng một lá số Tử vi nhưng 2 bà vợ Tử vi lại khác nhau. Điều lạ lùng cho ta thấy rõ Đấng Tạo Hóa vô cùng linh diệu, dù anh em sinh đôi, đường chỉ tay trên hai bàn tay hoàn toàn khác nhau (an SAO trên bàn tay của anh và em sinh đôi, ta có 2 tử vi trên 2 tay hoàn toàn khác nhau. Thí dụ cùng tuổi Giáp dần, an sao Tuần ở đốt cuối tay trở, tức ở cung Dần, tại Tý Sửu. Sao Tuần an theo lục giáp với vị trí ngay trên bàn tay : Giáp tý, Giáp tuất, thân, ngo, thìn đến Giáp dần) vẫn là 2 lá số tử vi trên 2 bàn tay, rất khác nhau với anh em sinh đôi. (Ghi chú về danh nhân Trần Đoàn : không rõ năm sinh, hưởng thọ trên 100 tuổi chết năm 989), là một Đạo sĩ, năm Trường Hưng (930-933) đời vua Minh tông nhà Hậu Đường ông thi Tiến sĩ không đậu, bèn lên núi Vũ Đường ở ẩn. Tương truyền ông đã PHỤC KHÍ, tịch cốc hơn 20 năm, mỗi ngày chỉ uống vài chén rượu. Vua Tống Thái tổ tôn sùng, ban cho ông danh hiệu “Hy Di Tiên Sinh”. Đạo giáo tôn là Trần Đoàn lão tổ, đại tác giả Dịch học với tác phẩm Dịch Long Đồ, Chi Huyền Thiên, Chính Dịch Tâm pháp chú và TRẦN ĐOÀN VÔ CỰC ĐỒ. Lão Tổ lập ra Tử vi (trích sơ lược trong từ điển NHO-PHẬT-ĐẠO, Lao Tử và Thỉnh Lê chủ

biên, tt.1619-1620). Dựa vào Tướng pháp Trần Đoàn, người xưa lập ra khoa xem tướng trâu. Trâu là cơ nghiệp của nhà nông, đi chợ trâu mua trâu cày bừa phải xem tướng trâu. Người sinh ở Ất, Canh, Tân, Nhâm, Quý mà cung SỬU có sao Cự môn thì hãm, “tài quan song mỹ” nhưng hay bị thị phi khẩu thiệt, nam nữ thì dâm. Nếu cung Sửu có Thiên đồng thì rất là hung! Sửu cung ở tuổi Mậu, Bính, Giáp, có Liêm trinh : vượng; Thất sát Vượng, tuy tài quan song mỹ, nhưng bị thị phi thành bại, gặp được sao Tử vi, Thiên tướng, Lộc tồn thì trong binh nghiệp khi lâm nguy sẽ được giải hung ngay. Sửu cung ở tuổi Tân, Nhâm, có Tả hữu Xương, Khúc, Hình, Ấn đồng cung, cung này gặp Thiên tướng thì hãm nhưng tài quan song mỹ, quý hiển xuất tướng nhập tướng, quyền bính chấp chương như trường hợp Thống chế Tướng Giới Thạch. Tôi kỵ là sao Kiếp sao Không và Hóa kỵ sẽ là ông tướng không đầu, bãi cách, lên cao chót vót rồi tàn “hoạn lộ dang dở”. Sửu cung ở tuổi Mậu, Kỷ, Canh, Tân có Vũ Khúc : Vượng, có sao Tham: hãm tuy rất tốt “quí hiển cách, phú ông cách, tướng tướng chi danh, thiếu niên bất lợi” nếu Mệnh có sao Xương, Khúc là người xảo ngôn, xảo quyết. Nếu có sao Khôi Việt Quý Ấn, Mệnh Kim thì tuyệt hảo, loại người Trạng Phùng Khắc Khoan, Trạng Trình, Lê Quý Đôn “văn chương thi phú thanh hiển, chấp chương chính thức”.

TƯỚNG TRÂU NƠI NGƯỜI

Về tướng pháp tướng mệnh, đấng nam nhi nào có cặp mắt trâu nước tức *thủy ngưu nhĩn* lại có đôi lông mày rậm, ngắn, nằm cao trên trán (phần đầu rậm, phần cuối hơi thưa là quý tướng). Mắt trâu gần giống như mắt sư tử, khum khum hơi tròn, mí trên và mí dưới đều có 2 vết sóng chạy dài song song, đến phần cuối mắt vết sóng xiên chéo lên huyệt Thiên đường. Lông mày Đoàn-xúc hòa phối với mắt trâu là người trọng nghĩa mà đa tình, trường thọ, tính tình ôn nhu, khôn khéo, tinh tường, đông con nhiều cháu, giàu có vững bền nhưng chỉ được trung quý Lông mày đoán xúc mà lại mắt cò, mắt ngỗng thì ôi thôi nếu là phụ nữ “lỡ làng duyên phận những lo cùng phiền!”. Trong tướng

pháp người có miệng trâu NGUU KHẦU là *đại quý cách* “phú quý, phúc thọ”. Miệng trâu môi dày nở tròn tròn, dáng như thu lại, môi dưới vừa phải dài tròn, hai góc miệng hướng thượng, sắc tươi nhuận rất đẹp, miệng ngậm thì thu nhỏ lại, mở miệng ra thì nở to. Người có miệng trâu “hoạ đến sẽ tan” (phùng hung hóa cát), phú quý lộc thọ vẹn toàn, tính tình cương trực, trung dũng.

TRÂU TRONG LỊCH SỬ VÀ TÍN NGƯỠNG

Do trâu là chủ lực của nông nghiệp như máy cày ngày nay, các triều đại xưa đều nghiêm ngặt bảo vệ trâu. Do nạn trộm trâu giết thịt “làm cho trăm họ cùng quẫn, mấy nhà cày chung một con trâu”, do vậy, năm Đinh Dậu (1117), Vua Lý Thánh tông xuống chiếu định rõ lệnh cấm giết trộm trâu định hình phạt rất nặng, chồng bị phạt 80 trượng cho vào quân đội làm lao công (đò khảo giáp) vợ 80 trượng (đưa vào làm ở sở chăn tằm), hàng xóm biết mà không tố cáo, phạt 80 trượng (*Đại Việt Sử ký Toàn Thư, Q.III, t.17b*). (*Trượng : hình phạt đánh bằng gậy, qui định chỉ đánh vào mông, tội nhân nằm xấp, chân tay căng ra, cột vào 4 cột rồi đánh ngay trước Tòa*).

Trâu thuộc về định chế nghi lễ và được luật pháp bảo vệ. Tế Xã Tắc ở kinh đô do vua đứng làm chủ tế cũng như tế Trời ở đàn Nam Giao phải có lễ Tam Sanh (trâu, lợn và dê). Trâu là chính yếu. Giết trâu ở ngay bên lễ đàn, thui nguyên con đem tế.

Từ đời Lý Thái tổ (1010-1028) triều đình lập đàn Xã (tế Thổ thần) và đàn Tắc (tế thần Lúa). Xã Tắc còn là biểu tượng cho quốc gia xã hội. Triều Trần, trong tế Xã Tắc có lễ rước thần Câu Mang, biểu tượng một con trâu đắp bằng đất to màu đen. Triều Nguyễn, tế Xã Tắc là một nghi lễ quốc gia, cầu cho đất nước được Ôn Trời thịnh vượng “phong đăng hòa cốc”. Lễ này, giết trâu tế là một định chế rất long trọng.

“Tam Sinh” là đồ lễ chính trong đại tế Nam Giao ở đàn Nam Giao tế Trời do vua chủ tế với tư cách Thiên tử, các quan phụ tế. Cựu Hoàng



Bảo Đại miêu tả : “Nhiều bó đuốc thấp sáng ở bốn góc của đàn tế. Về góc đông nam có một đám lửa thiêu lớn, đây là nơi làm lễ tam sinh, gọi là Thần trù (nhà bếp của chư thần) trên đó có thiêu cả một con nghé bị hi sinh (...) Trong ánh lửa bập bùng, nhạc bát âm hòa nhịp theo điệu của từng cử động làm con người bị say sưa quỵn rũ vào một cõi u minh bát ngát tôn thờ” (*Bảo Đại, Con Rồng Việt Nam. NPTxb 1990, tr.135*)

TỤC CHỘI TRÂU

Trâu hay chọi nhau. Ta có câu : “Trâu buộc ghét trâu ăn”. Tục chọi trâu chắc là có từ cổ thời. Sử ghi năm Mậu tý (1048), vua Lý Thái tông “xuống chiếu định phép chọi trâu về mùa xuân” (*Việt Sử lược (khuyết danh). Q.II, t.8b - Bản dịch của Trần Quốc Vượng*).

Ở miền đất tổ Vĩnh Phú còn lưu truyền tàn dư của tục đâm trâu thời viễn cổ Văn Lang. Xã Chí Tiên ở Thanh Hóa hàng năm mở hội tế lễ thần, có tục “cướp lúa đánh đầu trâu”, diễn lại thần tích của ba vị tướng của Tản Viên Nguyễn Tuấn trong cuộc chống cự lại Thục An Dương Vương.

Ngày vào hội, dân làng đem quạt, cờ, lọng đi rước trâu ra đình. Con trâu được phủ một lớp vải xanh, đầu tết vải ngũ sắc. Khi vị chủ tế tung cây búa, trai tráng trong làng xông vào cướp búa để đập vào đầu trâu, biểu diễn tài võ nghệ cao cường. Xã Xương Lễ và Xã Tam Thanh ở Thanh Hóa cũng còn lưu truyền tục đâm trâu

như xã Chí Tiên (theo *Huyền Nam*, “*Hội Đâm Trâu*”, *tạp chí Dân tộc học*, số 1, 1987, tr.35).

Nhà Lê Trung Hưng, hàng năm Phủ Chúa Trịnh, còn gọi là Phủ Liêu, tổ chức Lễ Xuân Ngu, đây là một đại lễ quốc gia. Trâu được làm bằng cột tre, phủ đất, rước từ Phủ Chúa qua cung Vua, ở điện Vạn Thọ. Đám rước rất long trọng, theo quân cách với đủ lễ bộ.

Sau khi làm lễ tế Xuân Ngu, con trâu già này được thả xuống sông ở Đông Hà Môn. Vùng Đào Xá, Vĩnh Phú còn lưu truyền điệu múa Xuân Ngu. Một trâu được làm bằng bột nếp, có khắc chữ Xuân Ngu. Hai chàng trai làng nâng trâu lên múa theo nhịp múa truyền thống. Cụ Tiên chỉ chủ tế lấy nước thánh vẩy vào trâu để chúc phúc.



Tục mở hội chọi trâu rất hào hứng. Xã Bạch Lưu Hạ, huyện Lập Thạch, tỉnh Sơn Tây cũ trước năm 1945 vào ngày 18 tháng giêng hoặc 28 tháng chạp (âm lịch) mở hội tế thần ở ngoài đồng nội. Làng nuôi hai mươi con trâu để đưa ra đồng dự cuộc chọi trâu. Cho trâu uống rượu say rồi lừa vào chuồng cho chọi nhau giữa tiếng trống thúc rộn rã hòa với tiếng reo hò của khán giả.

Hằng năm, vào ngày mồng chín tháng tám, vùng Đồ Sơn (Hải Phòng) mở hội chọi trâu truyền thống. Dân gian có câu : “Dù ai buôn đâu bán đâu, nhớ ngày tháng tám chọi trâu thì về”. Hội chọi trâu Đồ Sơn qui mô, hào hứng hơn cả, thường lôi cuốn khán giả từ các tỉnh lân cận như Kiến An, Hải Dương và Hải Phòng để về đây xem chọi trâu. Hội do tổng Đồ Sơn gồm ba xã cùng tổ chức (trước năm 1945 thuộc phủ

Kiến Thụy, tỉnh Kiến An). Đồ Sơn cũng là bãi biển đẹp nhất ở miền Bắc nên khán giả còn là du khách từ Hà Nội và nhiều nơi đến Đồ Sơn dự cuộc vui. Đấu trường là một bãi đất rộng trước ngôi đình chung của ba xã Đồ Sơn, Đồ Hải và Ngọc Xuyên (ngôi đình tọa lạc ở xã Ngọc Hải).

Tổng Đồ Sơn có 14 thôn, mỗi thôn đến kỳ hội đều có trâu của làng mình đưa đến dự hội. Đây là loại trâu chọi, có chiến đấu tính cao, chứ không phải loại trâu cày. Từ tháng ba đầu năm, các thôn đã phải cử người đi khắp nơi ở miền Bắc để kén chọn trâu chọi do các tay chuyên môn và dày kinh nghiệm. Họ nắm vững các nguyên tắc của khoa “Tuồng Trâu” chẳng hạn như mắt trâu phải tròn.

TUỒNG PHÁP TRÂU VÀ CHỌI TRÂU

Theo các nhà chuyên môn, trâu chọi phải đầu nhỏ, cổ dài, bờm tròn (bờm là túm lông cứng trên đầu trâu, còn gọi là xoáy thú). Trâu chọi phải khỏe nhưng lại phải dẻo dai, chịu được đòn của đối phương. Những con trâu da đồng, lông mọc, một khoang bên khoáy, hàm nghiến (đen) tóc tráp (lông trên đầu trâu cứng để tránh nóng) là loại trâu gan lỳ (Xem : *Phạm Minh Hiến*, “*Hội chọi trâu Đồ Sơn*”, *tạp chí Nghiên cứu Văn hóa Nghệ Thuật*, số 3 (92)-1990, tr.35-38).

Theo nhà phong tục học Toan Ánh: “Sừng trâu phải cứng, vuông ở chân sừng, mặt sừng mịn, không dấu vết, vươn thẳng một mạch lên khỏi đầu, hai chiếc sừng cân đối và như nằm trong một mặt phẳng. Hơn nữa, sừng phải kín, tiếng chuyên môn để chỉ những cặp sừng hai đầu không quá xa nhau, và cũng không cao khỏi trán trâu bao nhiêu. Tốt nhất khi cặp sừng cách trán trâu chừng sáu tấc, 20 phân ngày nay (20cm) và hai đầu sừng cách nhau vào khoảng 12 tấc”.

“Mắt trâu phải tròn và lạnh lợi nằm dưới cặp vành mắt cứng khỏe. Hàm trâu phải thuộc loại hàm nghiến, nghĩa là đen như nghiến mực. Tai trâu phải dính với sừng, xoáy trâu trên đầu phải nhiều lông và những lông này phải cứng.

Trán phải đẹp, thân phải mập lẳn. Trâu phải cao vẩy, sa ức, kín sườn, bụng cheo, đúng như lời tục ngữ. Vây dài, chân ngắn, khớp dẻo dai. Ngoài ra, cũng cần để ý tới khoáy trâu, nghĩa là những chỗ lông trâu hợp thành từng khoáy như tóc trên đầu con người. Tục tin rằng con trâu nào có hai khoáy đối nhau ở hai bên đuôi là con trâu sẽ chiến thắng sau những cuộc giao đấu hằng say (*Theo Toan Ánh, Hội Hè Đình Đám, q hạ, Sài Gòn 1974, tr.155*).

Trâu chọi thường từ 8 đến 10 tuổi. Sau khi 14 thôn đã mua được trâu chọi, 14 chú "lực sĩ" được dắt tới đình làm lễ trình diện Đức Tôn thần. Lễ xong, thôn nào thôn nấy dắt trâu về làng và cử người nuôi trâu, trao nhiệm vụ này cho một chàng trai còn độc thân. Chàng phải "chay tịnh" trong suốt thời gian nuôi trâu, không được "gần" đàn bà, không được đi thăm đàn bà đẻ, không được đi dự đám tang... Dù người đẹp như tiên nữ dâng hiến cũng phải xa lánh, không được ăn các món ăn ô uế, tuyệt đối không được ăn thịt chó, không được ăn tỏi sống, không được ăn thịt trâu bệnh, phải giữ thân xác và tâm hồn cho trong sạch, kể cả không được to tướng đến chuyện dâm tình.

Cỏ rom cho trâu ăn phải chu đáo, cẩn thận, sạch sẽ. Quan trọng nhất là không cho trâu "đi tơ" với trâu cái. Trâu chọi còn được tắm bổ cho sung sức như cho ăn thóc và thóc nếp con (loại nếp hạt nhỏ và tròn).

Trước ngày hội, đã có cuộc "đấu loại" giữa 14 con trâu này. Loại bỏ những trâu nào đầu yếu, kém khí thế, chỉ còn giữ lại có 6 con cho cuộc đấu chung kết vào ngày lễ chính thức mừng Mười tháng Tám. Mất trâu được che một mảnh vải. Đấu trường gọi là "giống". Sau khi lễ Thần xong, một hồi trống rung lên, một quan viên phất cờ ra hiệu. Hai xã thôn dự cuộc đấu thứ nhất rước trâu vào. Đám rước có kiệu bát cống, tàn tán, đồ bát bửu và kèn trống rước trâu. Một dân phu mặc áo the đen, thắt lưng đỏ, cầm lọng che cho trâu.

Học giả Toan Ánh mô tả: "Đám rước trâu đi giữa tiếng trống liên hồi. Và khi trâu đã vào giống rồi, tiếng trống vẫn không ngừng.

"Vải che mắt trâu được bỏ đi, đôi trâu diện đối diện. Có con trâu trước khi chiến đấu đã được dân xã cho uống rượu. Đôi trâu gườm gườm nhìn nhau, xông vào húc nhau. Cuộc chiến đấu thật tàn bạo và dữ dội. Khách đứng xem trước những đòn trâu giao nhau phải thấy rợn mình. Càng đánh nhau, chúng càng hăng. Mất chúng đỏ ngầu. Chúng đưa cặp sừng lên. Chúng liên lẩn xả vào nhau như có một mãnh lực thiêng liêng gì thúc đẩy.

"Trong lúc đó, tiếng trống vẫn vang lên, cờ lệnh vẫn phất, và dân chúng như để cổ võ cho đôi trâu chọi nhau vẫn reo hò".

"Hai con trâu chọi nhau cho tới khi một con trâu thua chạy hoặc bị đối thủ húc chết tại giống. Con trâu thắng trận được dân làng mang cõ lọng ra rước rất thịnh trọng từ giống vào sân đình và con trâu thua cũng được dắt hoặc khiêng về đình đợi, khi các cuộc đấu kết liễu, cùng bị làm thịt với con trâu được, để tế thần (*Toan Ánh, sđd, tr.163*).

Cuộc đấu rất gay cấn, hồi hộp. Khi đánh, trâu cũng có những miếng võ hiểm. Trâu sử dụng sức mạnh của cổ, đập sừng vào đầu vào mặt đối phương. Đó là miếng "phang". Lúc trâu cúi thấp, hai đầu sừng sắc nhọn, hất bên nọ, ngoác bên kia, tìm cách cắm sâu sừng vào mắt, vào hầu, vào tai đối phương, gọi là miếng "cáng mắt", "cáng hầu", "cáng mang tai" hết sức nguy hiểm. (*Xem : Phạm Lợi, "Lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn", tạp chí Văn Hóa Dân Gian, số 2 (50) 1995, tr.16-20*).

THƠ "THƯƠNG TIẾC TRÂU"

Đồng bào thiếu số Tây Nguyên có tục "đâm trâu" tế thần linh. Người M'nông gọi là "ăn trâu", "chém trâu" để hiến tế thần linh trong các dịp lễ hội lớn của gia đình hoặc cộng đồng. Khi con trâu đã được buộc vào cọc, tới ngày hôm đó, đồng bào làm lễ cúng buộc trâu. Mọi người vui chơi uống rượu, đánh chiêng, múa hát quanh ánh lửa, cây nêu. Trong không khí vui nhộn của đêm lễ hội, người ta còn nghe tiếng "hát khóc trâu" sâu thẳm, buồn bã của người đàn bà chủ trâu, của cô gái chăn trâu, để

an ủi, vỗ về và tiễn biệt con trâu trước lúc bị giết làm lễ tế thần".

Bài thơ "khóc trâu", 58 câu, rất cảm động diễn tả sự tiếc thương vô bờ bên đối với con vật nuôi rất mực thân yêu này:

*Ta thương trâu đã mười năm nay
Ta chăn trâu vừa đủ trăm ngày
Mời trâu ăn nắm cỏ lần cuối
Mời trâu ăn lá cây lần cuối
Mời trâu ăn ngọn cỏ tranh lần cuối
.....
Ta thương tiếc trâu lắm trâu ơi!
Ta không thể giúp gì cho trâu được
Trâu hãy rung cho ngã cọc nêu
Trâu vùng vẫy cho đứt chùm dây
Người ta sắp xẻ thịt trâu rồi đấy!
.....
Thôi ta từ già trâu ta từ đây
Trâu hãy ăn nắm cỏ này lần cuối
Trâu hãy ăn trước khi trâu chết
Để trâu về giữ con thân lừa.*

(Tân Vịnh và Điều Cân sưu tầm, "Văn hoá Nghệ thuật Đắc Lắc". Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật số 3 (153) – 1997, tr. 52).

Trâu rất được trọng vọng. Năm 1836, vua Minh Mệnh đúc Cửu đỉnh, thu gọn giang sơn cầm tú, sông ngòi, rừng cây, biển cả, đồn lũy, cây quý, thú lạ cho khắc hình nổi trên 9 đỉnh đồng, một công trình nghệ thuật kỳ vĩ. Trâu được khắc nổi trên Thuận đỉnh, đỉnh thứ 6 (Thừa sai Pháp, Lm Michel Barnouin dày công dập được các hình nổi trên 9 đỉnh, tựa đề "*Les Bas-Relief des Urnes dynastiques de Hue (Những hình trạm khắc nổi trên Cửu Đỉnh Huế. Sài Gòn 1974 - Tài sản của Trường Viễn Đông Bác Cổ-Balê - L'Ecole d'Extrême-Orient - 22 Ave Pr. Wilson, 75116-Paris).*

TRÂU VÀ GỪNG

Dân miền Bắc xưa ham ăn tiết canh trâu hơn tất cả mọi loại tiết canh khác (như dê, bê,

chó, vịt) do tiết trâu là một quý phẩm trong Việt Y (sản phụ không được ăn có thể mắc bệnh hậu sản), nhất là món tái trâu chấm tương gừng. Tôi không rõ các loại bệnh của trâu trong Súc khoa Tây Y. Y thánh Tuệ Tĩnh lập ra khoa chữa bệnh Gia Súc, tiên khởi là phòng bệnh cho trâu bò, thường mắc bệnh ăn nghẹn, bệnh thở, tắc họng không nuốt được, đại tiện không thông, bệnh sung chân phát cước. Vậy thôi, không có bệnh "lục phủ ngũ tạng" như người và các loài khác. Trâu điên là do thời khí tác động. Hòa Thượng Tuệ Tĩnh khuyên ta "trâu bò tổn thất thì mất cái cơ sinh sống hàng năm" (*Nguyễn Bá Tĩnh, Tuệ Tĩnh Toàn Tập. Nam Dược Thần Hiệu, Q. VIII. Nxb VH, HN 1998, tt.360-361, khổ lớn 19x27).*

Huyết trâu và thịt trâu tươi rất lành, nặng về âm (phụ nữ sau khi sinh không được ăn). Trâu phải đi đôi với gừng. Lấy huyết trâu tươi làm tiết canh cho cả mấy chục người ăn, "đánh" tiết vào bát nhỏ là một nghệ thuật ăn. Rất cần trọng! Phải SÁT trùng. Lấy gừng già (Can khương) giã nát, lọc vải thật kỹ, nước sôi để nguội (sát trùng) cho nước gừng nguyên chất, pha rượu, ép trâu uống tùy theo liều lượng, để rượu gừng với thời gian nào đó, đủ ngấm vào máu trâu và sát trùng bấy giờ mới "hóa kiếp" chàng ngưu, lấy tiết, pha tiết canh. Nhờ có gừng sát trùng nên an toàn, không sợ ngộ độc.

Hơn nửa thế kỷ nay, Tây y đã sử dụng gừng làm dược liệu chữa trị các bệnh cảm sốt (colds, flu). Gừng còn tác dụng làm giảm cholesterol, chữa chứng thấp khớp, giảm cao máu (use of ginger for treating arthritis – ginger helps reduce cholesterol, lower blood pressure, treat colds, flu, morning sickness (*Xem: The Healing herbs by Michael Castleman, tr. 186).*

Theo Lãn Ông Y Tổ, đặc tính của thịt trâu là "hòa tỳ, bổ thận, bổ gân cốt" (Lĩnh Nam Bản thảo, tr 258). Thịt trâu quá bổ, mạnh và lạnh mát nên sản phụ kiêng ăn. Có thể mắc chứng hậu sản và cuồng. Tái trâu phải chấm với tương gừng. Thiếu gừng, dễ bị ngộ độc. Ăn thịt trâu mà uống rượu gừng vừa bổ thận, vừa dễ "cao hứng" gọi là "khương tửu", gừng ngâm rượu chữa chứng

đau bụng lạnh. (Xem: *Dược tính Chi nam, T.III, tr.156, Xuân Thu xb*).

NGUỒN THỰC PHẨM CHAY Ở VIỆT NAM

Tổ tiên ta xưa rất tự hào Việt Nam là một linh địa. Y tổ Lãn Ông tiếc nuôi què hương Bách Việt xưa, viết cuốn “*Lĩnh Nam Bản Thảo*” (Trong đại bộ Y tông tâm lĩnh). Dem so sánh và đối chiếu với *Bản Thảo Trung Y*, có thể nói, hơn 80% là y dược thảo Lĩnh Nam-Lạc Việt. Y thánh Tuệ Tĩnh viết bộ Y dược đặt tên là *Nam Dược Thần Hiệu* đầy tự hào “*Thuốc Nam Việt chữa người Nam Việt*”. Cụ lược kê 18 loài mẽ cốc và 45 loại rau. Ít nhất hơn 10 loại mẽ cốc và trên 35 loại rau có thể dùng là thực phẩm chay. Gạo tẻ là chủ yếu. Gạo nếp gọi là đạo mẽ, còn gọi là Nhu mẽ, Dư mẽ, rất bổ, trung ích thân, trị đi tiểu ra chất nhờn, trị các chứng thổ tả đau bụng. Kê (nấu chè) làm chắc ruột mạnh dạ dày. *Hổ ma tử* tức hạt vừng, còn gọi là chi ma, nhuận trường, giải độc, sát trùng, tiêu nhiệt kết. *Đậu* là nguồn thực phẩm chay đa dụng, công hiệu lớn, đa năng, chủ yếu của tương. Đậu đen rất quý trừ phong thấp, giải độc, theo Tuệ Tĩnh Y thánh: “Công hiệu kể vô cùng”. Đậu xanh (lục đậu) bổ ích nguyên khí, thanh nhiệt giải độc, thanh tiểu tiện, làm sáng mắt. Bạch đậu, khai thông, ấm bụng, mạnh chân thủy, giúp 12 kinh hòa 5 tạng. Đậu sị tác dụng kiêm cả bổ và công, hơn 40 phương thuốc dùng đến đậu sị (*Nam Dược Thần Hiệu, Q.đầu, tr.22-23*).

KHO TÀNG “CHAY” VÀ DƯỠNG SINH VIỆT Y

Đấng Tạo Hóa dành cho đất nước VN một kho tàng quý phẩm vô giá về dưỡng sinh, ở Á Đông không một nước nào có, kể cả Tàu. Về lúa, trước thế kỷ 19, VN có 64 loại lúa. Trong Nam, sách Gia Định Thành thông chí của Trịnh Hoài Đức tổng kê có 10 loại lúa mà Bắc, Trung không có như lúa tao, lúa chàng cô, mông tây, mô cái, y tậu. Trong sách Vân Đài loại ngữ của nhà bác

học Lê Quý Đông ghi được 29 loại lúa, trong đó có loại rất quý như tám thơm, dự (thường đọc là rự), tám lùn, tám lại, tám xoan, tám sinh, tám rau, nấu cơm thơm ngát (*Cao Xuân Dục, Tổng tài Quốc sử quán, Đại Nam Dư địa chí ước biên. Nxb VH, HN 2003, “Thông quốc thổ sản”, tt.516-527*).

Huế xưa, gọi là Thừa Thiên phủ doãn, trung tâm kỳ hoa dị thảo. Về lúa, có lúa móng chim, hèo trắng (tảo bạch đạo), minh xuân, ba trắng, hồng lăng đạo, bồ độ, lúa hiên, lúa mộ (gạo đỏ) khoảng 45 loại. NẾP là lễ phẩm cung cấp cho Bộ Lễ, Tôn nhân Phủ và các chùa, quán (Đạo Giáo). Vua Minh Mệnh cho khắc hình tượng cây lúa nếp vào Nhân đình (đình thứ 2) trước Thế miếu, có 19 loại nếp (*Đại Nam nhất thống chí, Thượng thư Cao Xuân Dục, chủ biên. T.I, kinh sư, phần thổ sản, tt.249-264*).

Về quả, VN có vào khoảng 48 loại quả có công năng dưỡng sinh cao. Thí dụ quả mơ, có đến 4 loại quý như bạch mai tức sương mai. Mơ như ô mai chế tức mơ đen, trừ tả khí, an âm (phụ nữ sau kinh nguyệt nên dùng), chữa tiêu khát và sốt rét; Bạch mai chế, tức mơ muối, tác dụng trừ nhiệt, lợi cuống họng (ca sĩ nên dùng) sinh tân dịch, chữa được chứng kiết lỵ Trong mâm ngũ quả ở đền, đình chùa thường có quả lựu, trị được chứng huyết lậu (không nên ăn nhiều); Long nhãn, quý dược cho người cần an thần, làm tăng trí nhớ, bổ ích tâm tỳ, tăng tuổi thọ. Quả vải, gọi là lệ chi, hòa khí, thông tinh thần, trị bệnh đau đầu. Khê thường dùng trong đồ chay, gọi là ngũ liêm tử, công dụng khá lớn, thanh nhiệt, sinh dịch, trị hoắc loạn (thổ tả) giải uế rất tốt (cách nay đã gần 20 năm, tôi tháp tùng phái đoàn tạp chí Đất Nước Tôi đến thăm Hòa Thượng trụ trì chùa Vĩnh Nghiêm ở Nam Cali được Hòa Thượng khoản đãi bữa cơm chay miền Bắc thật là “miếng ngon nhớ lâu”, tuyệt vời với bát riêu cua chay ăn với bánh đúc. Thêm rau muống chẻ nhỏ, ngâm nước quăn lại. Bát riêu cua chay đậm đà y như riêu của đồng, nấu với khê). Chanh là dược liệu có công dụng rất cao, thông kết, tiêu đàm, trừ phong, chữa nôn khát. (Xem: *Tuệ Tĩnh, Nam Dược thần hiệu, Q.I, tt 26-28*). Trong phần thực phẩm dưỡng sinh hàng ngày của chúng tôi, chanh là

số một rồi đèn táo, chuối, họ, gừng (cần nhất về mùa đông). Chanh tên khoa học là *Citrus limonia* Osb. trị chứng buồn bực trong người, xuyên, tê thấp, họ nên uống nước chanh hàng ngày, liều lượng 30g-120g. Nước Chanh làm thông tiêu tiện (*Cây thuốc Vị thuốc Đông Y, sđd. tt. 306-308*). (Các cô, các bà muốn giữ bộ tóc xanh mượt mà, gội đầu xong, vắt ít nước chanh lên đầu rồi xoa tóc cho đều).

Sau quả, rau là chủ thể, chủ vị của ĂN CHAY. Rau họ, gọi là “có khởi dưỡng” chữa chứng mộng di, đau lưng, lão niên mỗi ngày vào buổi sáng ăn sống vài ba cọng họ. Rau cải, củ cải, Lĩn Nam bán thảo và Bán thảo của đại danh y Lý Thời Trân đánh giá rất cao, “Rau cải có thể làm thư thái trong lòng, an thần, thông đờm. Củ cải tên thuốc là La bạc, “Cải có nhiều lợi ích nhất” theo Lý Thời Trân. chữa được kiết lỵ. Rau mồng toi là thuốc “thần”, tẩy dạ dày và ruột già. Tuổi cao niên, ruột già là mối đe dọa lớn. Mồng toi chữa được bệnh táo bón. Rau dền trắng và đỏ, cả 2 loại cùng tác dụng như nhau, nấu canh hoặc luộc chấm muối vừng. Rau cần, dưỡng huyết. Một số củ, Bán thảo cương mục xếp vào hàng rau, có giá trị dưỡng sinh CHAY rất cao: khoai từ, trị chứng nhiệt, giải được chứng tiêu khát; khoai mài, Bán thảo gọi là sơn dược, ngọc diên, có tác dụng dưỡng tâm, bổ thận, ích tỳ vị; khoai lang, khoai tía, quả cà, măng tre. Chùa ở Miền Bắc thường muối một “vại” cải; một chum tương. Cà nén dòn với canh rau đay nấu “cua” chay, thật tuyệt với rồi đến bí đao, mướp, dưa gang, khô qua (mướp đắng) có tác dụng ích khí, thông thần, sáng mắt (người tâm thần bất an và bị cao máu, khổ qua thái từng miếng nhỏ, để cả ruột và hạt, đem phơi khô, 3 lần hạ thổ, nấu như nấu nước trà, ngày uống 3 ly, sáng, trưa ngủ dậy, sau bữa cơm chiều). VN ta có vào khoảng 56 loại rau có công dụng lớn về dưỡng sinh CHAY (*Cao Xuân Dục, Đại Nam Dư địa chí ước biên, “Các loại rau”, tt.530-539*).

Chay hay mặn thì cũng cùng một chủ đích tạo ra nguồn tân và dịch cho con người, nuôi nhân thể, lục phủ ngũ tạng bên trong, bên ngoài có da thịt, 7 khiếu, mắt, mũi, tai, tóc... không nơi nào là không dựa vào tân dịch, thẩm tận

vào ống xương trong sọ, dinh dưỡng não tủy. Tân thuộc dương nhuận tưới cơ nhục, bốc ra cơ biểu thành mồ hôi... Tính dịch thuộc âm, nhuận tưới đến gân, xương, các khớp xương (*Xem: Nguyễn Tài Thu và Vũ Xuân Quang, Một số điểm cơ bản trong lý luận Đông Y. Bộ Y tế Xb, HN, 1989, tt.416-417*).

Con người và các loài có sinh mệnh đều như thế. Trâu bò, ngựa chỉ ăn cỏ, rơm, thóc, cám (nấu) không ăn thịt, cá, có sức mạnh rất dẻo dai. Con người vượt trên muôn loài, làm chủ tế muôn loài sau Đấng Hóa Công do con người có thần. Nghiên cứu Y dược thì dược thảo, các loài quả, trái cây, rau lại là nguồn của thần khí (Tây y chưa quan tâm đến thần). Thánh Y Tuệ Tĩnh cho rằng, con người riêng được hưởng chính khí của trời đất mà thực phẩm từ gạo, ngô, khoai, bắp đậu, rau cỏ, trái cây, hầu hết nguồn thực phẩm làm đồ ăn chay lại trực tiếp thụ nhận chính khí của trời đất. Sự sống của con người là mệnh. Thần dưỡng mệnh. Thần đã hết, vô phương cứu được mệnh (trong trường hợp bình thường, không kể tai nạn, chiến tranh):

Mệnh là cái bâm phú của trời.

Tinh là cái nguồn gốc của thân thể.

Hình là nhà ở của sinh mệnh.

Khí là cơ bản của sinh mệnh.

Thần là chủ tế của sinh mệnh.

(*Tuệ Tĩnh, Hồng Nghĩa giác tư Y thư, tr.67*).

Y tổ Lãn Ông đã giảng rất rõ: “Tinh là âm, khí là dương, tinh sinh ra khí. Chân tinh đã kiệt, chân âm tất hư; khí không có gì sinh ra mà phải suy bại, tạng phủ trống rỗng, tân dịch kết tập mà thành chứng lao tổn” (*Y Hải cầu nguyên, Q.IV, tr. 297*). Thực phẩm ăn chay như đậu nành, đậu xanh, bắp, khoai lang, khoai sọ và các loại củ, quả rau mà tôi đã nêu trên, thẩm nhuận khí hạo nhiên của trời đất, tinh và khí, âm và dương vốn quân bình trong khí hạo nhiên, trực tiếp nhuận thẩm vào chân tinh, chân dương, dư đủ để dưỡng thần, hộ mệnh. Rau muống là một. Ta “huyền thoại hóa” rau muống. Rau chỉ là rau thôi. Rau muống trong đồ chay phải hòa phối với các loại khác. Rau luộc chấm tương chẳng hạn. Tôi đã được ăn món

rau muống làm nộm trộn vùng (mùa Đông, hay ra máu cam, lấy 100g gram rau muống tươi, giã lấy nước cốt, pha một chút đường, uống mỗi ngày 1 lần, uống liền 5 ngày. Loét dạ dày (ulcer), dùng 100g rau muống tươi, giã, lọc lấy nước cốt, pha một chút muối, mỗi ngày uống 2 lần, 5 ngày liền).

Trong 18 cái Tết đã qua, tôi viết liên tục theo chủ đề “12 con giáp với Đông Y”, tôi đã có dịp viết nhiều về khí và thần, về phép dưỡng sinh và nhiếp sinh. Vấn đề “cực nhọc” cho người viết là làm sao trong 18 bài không lặp lại, mỗi bài trong 18 bài phải khác nhau. Tôi dự liệu sẽ viết đủ 20 bài thì “nghỉ hưu Đông Y”.

Bài này viết về thực phẩm chay. Rất kỳ diệu! Với các bà “đầu bếp” cơm chay VN thật là tuyệt vời. Tôi đã ăn đồ chay ở Đài Bắc và Hồng Kông, tôi thấy đồ chay VN thật là một nghệ thuật tuyệt tác với độ dưỡng sinh cao lắm. Nhưng nếu chưa quen “chay trường” thì chớ “răng ăn”. Hậu quả trái ngược. Nhưng một tháng nên ăn dăm, bảy lần cho “nhẹ” người, một cách dưỡng thần, thanh khí (không phân biệt Lương-Giáo. Ăn chay là thuật dưỡng sinh mà thôi). Thí dụ củ cải có tác dụng vào 2 kinh tý, phế, hạ khí, tiêu đờm, dùng chữa ho hen, xuyên, ngực và bụng đầy trướng (*GS Dược Khoa Đỗ Tất Lợi, Những Cây Thuốc và vị thuốc Việt Nam, tr.713-714*). Các loại đậu như đã viết ở phần trên là nguồn dưỡng sinh chay có giá trị rất cao. Vua Minh Mệnh rất trân trọng cho khắc hình vào Cửu Đỉnh như cây đậu xanh ở Chương đĩnh (3), hoàng đậu (đậu nành) chạm nổi ở Thuần đĩnh (6), đậu phụng (lạc, còn gọi là địa đậu) chạm nổi ở Tuyên đĩnh (7); bạch đậu (đậu trắng) chạm nổi ở Dụ đĩnh (8) (Xem: Rev M. Barnouin (Linh mục Pháp), op.cit. BSEI, T.XLIX-3, 3ème trimestre, 1974). Nói theo Tây y dược, đậu cho ta vitamin E. Đậu nành đậu đen cho ta vitamin K. Hạt đậu đen chứa 24.2% protit, 53.3% gluxit, 1.7% chất béo, 2.8% tro; Hàm lượng muối khoáng là 56 mg%, canxi 354 mg% P., 6.1 mg% , sắt, 0.06 mg, Caroten, 0.51 mg% , Vitamin B1, 0.21 mg%, Vitamin B2, 19.8 mg PP; 3 mg, Vitamin C, có công hiệu tư dưỡng trừ phong nhiệt, giải mọi độc (Trị bệnh đêm ngày mất ngủ: tâm phương gia truyền VN: Lấy



vải mới hơ lửa “hoi nóng nóng” đặt trên mu mắt, rang đậu đen cho vào túi gói dầu, lạnh lại thay, tiếp tục cho đến khi ngủ ngon) (*Xem: Cao Thế Dung, Y Dược Đạo, T.II -Dưỡng sinh, tt.815-910 - bản layout - dời về VN sẽ in*). Về đậu xanh, Lãn Ông Y tổ ca tụng “trừ nhiệt, bổ hư, kiên giải độc - Lợi thủy, tiêu sang, mắt sáng tinh”. Đặc tính độc đáo của đậu xanh làm “sáng mắt như thần”, nấu nước uống, ngừng chứng tiêu khát (*Cây thuốc Vị thuốc Đông Y, sđd “Về đậu”, tt.525-534*).

CƠM CHAY - Y LÀ DỊCH

Cổ chay ở nhiều chùa VN độc đáo có thể nhất ở Á Đông nhờ thêm các loại rau thơm. Mà nước ta lại là một rừng rau thơm. Tôi đã được ăn món cà bung “chay”. Phẩm chất như cà bung “mặn”, thêm tí tía tô, kinh giới, chứa 1% tinh dầu, chủ yếu là dillimonen và menton kinh giới (*elsholtfia cristata*) dùng làm thuốc chữa cảm sốt, nhức đầu. Sao kinh giới hãm nước uống

chữa được bệnh ú huyết (*Cao Thế Dung, Y Dược Đạo, sđd, Q.III, "Các loại rau thơm", tt. 792-813*). Y là Dịch mà Dịch là âm và dương. Theo Y tổ Lãn Ông, "Ngũ không yên là huyết không chạy về can. Vệ khí không thể vào phần âm được". Lại nói: đồ ăn vào vị, đường mạch mới vận hành, thủy vào kinh mới thành ra huyết (...), âm chủ tĩnh, dương chủ động. Vị không hòa thời ngũ không yên, tỳ vị là chủ tay chân, mà vị là dương khí của hậu thiên" (*Y Hải Cầu nguyên, "Cơ chế hóa sinh", t.284*). Com, khoai, đậu và các loại thực phẩm tôi nêu trên đó là nguồn dưỡng sinh của hậu thiên, vốn sinh ra và lớn lên trong khí hạo thiên của đất trời âm dương quân bình nên trực tiếp đem nguồn sống vào tỳ, vị nhân thể. Tôi lấy hoa thiên lý làm ví dụ. Thiên lý nấu "nấu" với tôm tươi thì thật là tuyệt. Tôi đã được thết một bữa cơm chay trong một bữa giỗ đầu của người thân ở chùa Giác Hoàng HTĐ do ngài HT Thích Thạch Đạm trụ trì, ông cụ thuở bình sinh rất thích món canh hoa thiên lý (nấu tôm tươi hay giò sống) nay cụ bà nấu riêng một món canh thiên lý "chay", thật là xuất sắc, rất đậm đà như nấu với tôm. Lá thiên lý có công dụng chữa bệnh lòi dom, chữa cả bệnh táo bón, chữa sa dạ con (*Xem: Y học thực hành, số 5 (81)-1962 tt.24-25: "Lá thiên lý chữa bệnh"*).

Bộ tuyển tập PHƯƠNG THANG ĐÔNG Y do Ly Hoàng Duy Tân và Ly Trần Văn Nhũ sưu tầm cho ta thấy sự nghiệp Việt Y trong Đông Y phải nói là vĩ, vĩ đại 10,228 phương thang (Nxb Đồng Nai 1995, 2,174 trang khổ lớn, thêm phụ lục 18 trang "Bảng tra theo tên khoa học Hán Việt, thêm phần đối chiếu chữ Anh), số lượng dược thảo sản sinh từ Lĩnh Nam và Giao Châu (VN xưa) và VN chiếm trên 80-90% trong đó thực phẩm từ rễ cỏ đến các loại đậu, củ, trái cây và rau lại là chủ yếu. Xin hẹn TÁI NGỘ năm sau, năm CQP. Tạm kết bài này bằng lời nói đầy tình người, tình nước non của Thánh Y Tuệ Tĩnh, đã bị ép đưa qua Bắc Kinh tiến công làm Thái y đã chữa khỏi bệnh hậu sản cho Hoàng hậu của Minh Thành tổ khoảng thời gian quân

Minh xâm lăng Đại Việt (1407). Ngài qua đời bên Tàu, được vinh tôn làm NAM THIÊN Y THÁNH.

Thánh Y Tuệ Tĩnh đậu Tiến sĩ không ra làm quan, lấy việc yêu đời cứu người làm gốc. Ngài nói rằng ngài đi vào nghề thuốc là chỉ vì "theo tiên thánh", "thương dân yếu trái" (chết non). Ngài nói: Vui đạo dưỡng sinh hậu học sá tìm nơi diệu quyết" và rằng "Thuốc Nam Việt chữa người Nam Việt" (*Xem: Nam Việt Quốc âm phú trong Hồng Nghĩa Giác Tư Y Thư – bản dịch của Viện Đông Y, Hà nội 1978 tr 7*).

Theo Đông Y, con người hơn muôn loài là do Đấng Hóa Công ban cho đủ tinh, khí và thần. Khác với Tây Y, Đông Y rất quan hệ về khí. Y Tổ Lãn Ông, Chu Văn An và Lê Quý Đôn đã dày công nghiên cứu về khí. Theo học giả Cao Xuân Huy, cái "chân" của vô cực và cái "tính" của âm dương ngũ hành diện hợp với nhau mà sinh ra hình tượng và gây nên tính nam và tính nữ, từ đó mà vạn vật hóa sinh mãi mãi, không biết đâu là cùng (*Xem: Cao Xuân Huy, "Lê Quý Đôn và học thuyết lý khí. Tạp chí Văn Học số 6, 1976, tr 51*).

Khí là chủ mệnh. Thầy Lang dù thánh y cũng chỉ chữa được bệnh mà không giữ được mệnh. Phép dưỡng sinh là làm cho mệnh được hòa. Mệnh chỉ có bấy nhiêu thôi. "Trăm năm trong cõi người ta", một ngày không ai có hơn hai mươi bốn giờ. Y đạo là giúp cho con người sống mạnh, sống vui, sống từng giây từng phút, thì dầu chỉ có 24 giờ mà có thể hưởng thụ cả trăm giờ một ngày, trăm năm thành ngàn năm, dù mệnh là trăm năm.

CAO THẾ DUNG, PH.D.

Viết tại Thư Viện NAM SAN CTD.

Trên đồi Tiên Fairland - Rừng Tamarak,

Silver Spring, MD – Ngoại ô Hoa Thịnh Đốn

- Thu 2008